

Bản án số: 14/2020/HS-ST

Ngày: 06/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Xuân Tiểu**

2. Bà **Tường Thị Thu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hứa Thị Hanh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2020/TLST-HS ngày 20/4/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HS ngày 23/4/2020 đối với bị cáo:

Bùi Thanh T, sinh ngày 19/3/1993 tại huyện CH, tỉnh TQ; Nơi cư trú: TDP VH, TTVL, huyện CH, tỉnh TQ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Thanh B (đã chết) và bà Hà Thị K, sinh năm 1965; Anh, chị, em ruột: Có 02 chị em, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 11/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Trả cho anh Cao Thanh H 1.500.000 đồng; phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 12/4/2019 thi hành xong hình phạt tù. Ngày 15/11/2018 thi hành xong phần án phí; (Bản án số 51/2018/HSST ngày 11/10/2018).

Tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 16/12/2019 bị Công an huyện Chiêm Hóa xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe thành viên gia đình”. Chưa thi hành Quyết định (Quyết định số: 01/QĐ-XPHC).

Nhân thân:

- Ngày 13/02/2011 bị Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang đưa vào điều trị cai nghiện giai đoạn 1 tại cơ sở thị trấn Vĩnh Lộc,

huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 13/02/2011).

- Ngày 24/9/2012 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đưa vào cơ sở giáo dục với thời hạn 24 (Hai mươi tư) tháng về hành vi: “Nhiều lần xâm hại sức khỏe của người khác, gây mất trật tự khu dân cư” (Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 24/9/2012).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

** Bị hại:*

Bà Hà Thị K, sinh năm 1965; Nghề nghiệp: Giáo viên; Nơi cư trú: TDP VH, TTVL, huyện CH, tỉnh TQ (Có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị C, sinh năm 1968; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: Thôn ĐH, xã NH, huyện CH, tỉnh TQ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thanh T là con trai và ở cùng nhà với bà Hà Thị K thuộc TDP VH, TTVL, huyện CH, tỉnh TQ. Khoảng 20 giờ ngày 05/01/2020 lợi dụng bà K không có mặt ở nhà T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc tivi nhãn hiệu HISUJI màn hình phẳng loại 32inch của bà Hà Thị K để trên tủ ly bằng gỗ bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. T tiến đến chỗ để tivi rút dây cắm điện tivi ra và bê tivi ra giường, do lo sợ chiếc tivi bị hỏng và sợ người khác phát hiện nên T lấy vỏ ga chải giường bằng vải của T, bọc cuốn chiếc tivi lại sau đó T đặt chiếc tivi lên giá bảo vệ phía trước xe mô tô biển kiểm soát 22B1-172.12 và điều khiển xe đến nhà Lê Thị C, trú tại thôn ĐH, xã NH, huyện CH, tỉnh TQ cầm cố được 1.000.000 đồng, số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết. Khi cầm cố chiếc tivi thì C không biết đó là tài sản do phạm tội mà có.

Tại kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 16/01/2020 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chiêm Hóa kết luận: Giá trị còn lại của chiếc tivi nhãn hiệu HISUJI, màn hình phẳng, loại 32inch là 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng đồng).

Cáo trạng số: 25/CT-VKSCH ngày 17/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa truy tố bị cáo Bùi Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt chính: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt Bùi Thanh T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Bùi Thanh T phải thanh toán cho bà Lê Thị C 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thanh T thừa nhận do cần tiền chi tiêu cho bản thân nên vào ngày 05/01/2020 bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc ti vi trị giá 2.400.000 đồng (*Hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) của bà Hà Thị K là mẹ đẻ của bị cáo. Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

Người bị hại bà Hà Thị K khai tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo và Cáo trạng của Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, bà Khen xác định đã nhận lại chiếc ti vi mà bị cáo đã trộm cắp, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về hành vi của bị cáo bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai có trong hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu chứng cứ khác. Về trách nhiệm bồi thường dân sự, bà C yêu cầu bị cáo T bồi thường 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về việc xem xét hành vi của Bùi Thanh T.

Hành vi “Trộm cắp tài sản” của Bùi Thanh T được chứng minh bằng lời khai nhận tội của chính bị cáo, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, những người làm chứng và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 05/01/2020, tại TDP VH, TTVL, huyện CH, tỉnh TQ, Bùi Thanh T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc tivi nhãn hiệu HISUJI màn hình phẳng, loại 32 inch trị giá 2.400.000 đồng (*hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) của bà Hà Thị K (là mẹ đẻ của T).

Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương và

gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi, bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác; giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là trên 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Do đó, hành vi của bị cáo đầy đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*tái phạm*” quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị hại Hà Thị K xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 của Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[3]. Về việc quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Hình phạt chính: Bị cáo tuổi đời còn trẻ, có khả năng lao động làm ra thu nhập chính đáng nhưng cố ý thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác để thỏa mãn nhu cầu chi tiêu, ăn chơi của bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã 01 lần bị xét xử về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, 01 lần bị xử lý hành chính về hành vi “*Xâm hại sức khỏe thành viên gia đình*” nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định (tù có thời hạn) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định bị cáo Bùi Thanh T không có nghề nghiệp, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về việc xem xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Quá trình điều tra, truy tố các Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm do Luật định. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục được thể hiện thông qua việc ghi chép, lập biên bản các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[5] Về trách nhiệm dân sự.

Bị hại Hà Thị K đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị C yêu cầu bị cáo bồi thường 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), bị cáo chưa hoàn trả. Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí hoàn trả theo yêu cầu của bà C. Do vậy, cần buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho bà Lê Thị C số tiền là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

[6] Về án phí và quyền kháng cáo bản án và các vấn đề khác.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Đối với Lê Thị C là người đã nhận cầm cố chiếc ti vi cho T nhưng C không biết đó là tài sản do phạm tội mà nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 135, 136, 331 và 333 Bộ Luật tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:*

- Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về hình phạt: Xử phạt Bùi Thanh T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Bùi Thanh T phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị C số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

Khoản tiền bồi thường, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Bùi Thanh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại; Người có QL&NV liên quan;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- CQCSĐT CA huyện Chiêm Hóa;
- CQTHAHS CA huyện Chiêm Hóa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện CH;
- Bộ phận HSNV CA huyện Chiêm Hóa;
- Sở tư pháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Tiếu - Trương Thị Thu

Phạm Thị Thùy Trâm

